Nê-hê-mi

Lời cầu nguyện của Nê-hê-mi

1 Sau đây là lời của Nê-hê-mi, con trai Ha-ca-
lia. Vào tháng Kích-lê năm thứ hai mươi*, tôi,
Nê-hê-mi, đang ở trong khu vực thuộc thành Su-
sơ.
2 Một trong những anh em tôi là Ha-na-ni và
một số người khác từ xứ Giu-đa trở về. Tôi hỏi
thăm họ về thành Giê-ru-sa-lem và những người
Do-thái đã thoát khỏi cuộc lưu đày đang sống
trong vùng ấy.
3 Họ đáp, "Những người còn sót lại sau cuộc
lưu đày đã trở về xứ Giu-đa nhưng họ gặp khó
khăn và tủi nhục lắm. Vách thành Giê-ru-sa-lem
thì sụp đổ, còn các cổng thành thì bị thiêu rụi."
4 Sau khi nghe tin đó thì tôi ngồi khóc mấy
ngày liền. Tôi buồn bã không ăn uống gì. Tôi
cầu nguyện với Thượng Đế trên trời rằng,

5 "Lạy CHÚA là Thượng Đế của các từng trời,
Ngài là Đấng cao cả đáng kính sợ. Ngài thành
tín và giữ giao ước với những người yêu mến
và vâng theo mệnh lệnh Ngài.
6 Xin hãy nhìn xuống và lắng nghe lời tôi,
kẻ tôi tớ Ngài khẩn nguyện cả ngày lẫn đêm cho
dân Ít-ra-en là các tôi tớ Ngài. Tôi xưng tội mà

* **1:1:** ***Vào tháng Kích-lê năm thứ hai mươi*** Năm thứ hai mươi tức khoảng tháng 12, năm 444 trước Công nguyên.

họ đã phạm cùng Ngài. Gia đình cha tôi và tôi
cũng đã phạm tội cùng Ngài.
7 Chúng tôi đã hành động gian ác đối với
Ngài, không vâng theo mệnh lệnh, qui tắc, luật
lệ Ngài truyền ra qua tôi tớ Ngài là Mô-se.
8 Xin hãy nhớ điều Ngài đã dạy Mô-se, tôi tớ
Ngài rằng, 'Nếu các ngươi không trung tín, ta
sẽ phân tán các ngươi giữa mọi nước.
9 Nhưng nếu các ngươi trở lại cùng ta và
vâng theo mệnh lệnh ta, thì ta sẽ mang các ngươi
về từ nơi tận cùng trái đất. Ta sẽ mang họ về
từ chỗ bị cầm tù đến nơi ta đã chọn để họ thờ
phụng ta.'
10 Họ là các tôi tớ và dân chúng mà Ngài đã
giải cứu bằng sức mạnh và quyền năng lớn lao
của Ngài.
11 Lạy CHÚA, xin hãy lắng nghe lời khẩn
nguyện của tôi tớ Ngài cùng những lời cầu xin
của các tôi tớ yêu mến và tôn kính Ngài. Hôm
nay, xin Ngài hãy ban cho tôi, kẻ tôi tớ Ngài được
thành công. Xin giúp cho nhà vua tỏ lòng nhân
từ đối với tôi."

Tôi là người hầu rượu† cho vua.

2

Nê-hê-mi được phái đi Giê-ru-sa-lem

† **1:11:** ***người hầu rượu*** Một chức vụ hết sức quan trọng vì viên chức nầy luôn luôn gần gũi với vua và nếm rượu của vua trước để vua khỏi bị đầu độc.

1 Vào tháng Ni-san năm thứ hai mươi* triều đại
vua. Nhà vua cần rượu cho nên tôi dâng rượu
lên cho vua. Xưa nay tôi chưa hề tỏ vẻ buồn rầu
khi đứng trước mặt vua.
2 Vì thế vua hỏi, “Sao mặt ngươi trông ủ rũ
mặc dù ngươi không có bệnh tật gì? Chắc trong
lòng ngươi có điều gì buồn bực?”
Lúc đó tôi đâm ra sợ.
3 Tôi thưa với vua, “Thưa vua, chúc vua sống
đời đời! Sở dĩ tôi buồn là vì thành phố nơi có mồ
mả của tổ tiên tôi bị điêu tàn, các cổng thành bị
thiêu rụi.”
4 Vua liền hỏi, “Ngươi cần gì?”
Tôi liền thầm nguyện với Thượng Đế trên trời.
5 Rồi tôi thưa với vua, “Nếu vua bằng lòng, xin
cho phép tôi đi trở về thành thuộc xứ Giu-đa nơi
có mồ mả của tổ tiên tôi để tôi xây nó lại.”
6 Lúc đó hoàng hậu đang ngồi cạnh vua. Nhà
vua hỏi, “Ngươi đi bao lâu và chừng nào ngươi
về?”
Vua bằng lòng sai tôi đi nên tôi định kỳ hạn.
7 Tôi cũng thưa với vua, “Nếu vua cho phép,
xin cấp cho tôi thư gởi cho các tổng trấn phía Tây
sông Ơ-phơ-rát để họ cho phép tôi đi an toàn về
Giu-đa.
8 Tôi xin vua viết một thư cho A-sáp, viên quản
thủ lâm sản của vua để người cấp cho tôi gỗ. Tôi
cần gỗ để làm các cổng cung điện kế cận đền thờ,
và để xây tường, đồng thời để xây nhà cho tôi

* **2:1:** ***năm thứ hai mươi*** Nghĩa là năm 443 trước Công nguyên.

ở.” Vua liền cấp cho tôi các bức thư vì Thượng
Đế tỏ lòng nhân từ Ngài đối cùng tôi.
9 Rồi tôi đi đến các quan tổng trấn phía Tây
sông Ơ-phơ-rát và trình các bức thư của vua cấp.
Vua cũng phái các sĩ quan và các lính cỡi ngựa
cùng đi với tôi.
10 Khi San-ba-lát, người Hô-rôn, và Tô-bia, viên
sĩ quan người Am-môn, nghe tin nầy thì họ đâm
ra bực tức vì nay có người giúp đỡ dân Ít-ra-en.

Nê-hê-mi đi xem xét Giê-ru-sa-lem

11 Tôi đến Giê-ru-sa-lem và ở lại đó ba ngày.
12 Ban đêm tôi cùng một vài người nữa lên
đường. Tôi không cho ai biết điều Thượng Đế
muốn tôi làm cho Giê-ru-sa-lem. Không có súc
vật nào khác ngoài con vật tôi cỡi.
13 Ban đêm tôi đi qua Cổng Thung Lũng. Tôi đi
đến Giếng Rồng và Cổng Rác, xem xét các vách
thành Giê-ru-sa-lem đã bị sụp đổ và các cổng đã
bị lửa đốt cháy.
14 Rồi tôi đi đến Cổng Suối Nước và Hồ Vua. Ở
đó không đủ chỗ cho con vật tôi cỡi đi qua.
15 Cho nên ban đêm tôi đi lên thung lũng và
xem xét vách thành. Cuối cùng tôi quay trở về
Cổng Thung Lũng.
16 Các lính canh không biết tôi đi đâu hay làm
gì. Tôi chưa nói gì cả với dân Do-thái, các thầy
tế lễ, các thân hào, các sĩ quan, hay bất cứ ai sẽ
tham gia công tác tái thiết.
17 Sau đó tôi bảo họ, “Các anh em có thể thấy
cái khó khăn mình gặp ở đây. Giê-ru-sa-lem là
một đống hoang tàn, cổng thành bị lửa thiêu rụi.

Bây giờ chúng ta hãy xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem để chúng ta không bị tủi nhục nữa.”
18 Tôi cũng cho họ biết Thượng Đế đã nhân từ
đối với tôi ra sao cùng thuật lại với họ những lời
vua nói cùng tôi.

Họ đồng thanh bảo, “Vậy chúng ta hãy khởi công tái thiết.” Thế là họ ra công.

19 Nhưng khi San-ba-lát, người Hô-rôn và Tô-bia, sĩ quan người Am-môn, và Ghê-sem, người Á-rập nghe tin đó liền chế diễu và cười nhạo chúng tôi. Họ hỏi, “Mấy anh định làm gì đó? Mấy anh định âm mưu chống vua à?”

20 Nhưng tôi trả lời, “Thượng Đế của các từng trời sẽ giúp chúng tôi thành công. Chúng tôi là tôi tớ Ngài, sẽ khởi công xây dựng lại. Nhưng các anh không có phần, quyền lợi hay kỷ niệm gì với Giê-ru-sa-lem cả.”

3

Những người xây dựng lại vách thành

1 Ê-li-a-síp, thầy tế lễ cả và các thầy tế lễ đồng nghiệp bắt tay xây dựng lại Cổng Chiên. Họ dâng công tác mình cho CHÚA và dựng lại các cửa vào vị trí. Họ làm việc cho đến Tháp Một Trăm và dâng công tác cho CHÚA. Rồi họ đi đến xây lại Tháp Ha-na-nên.

2 Kế bên họ, có những người ở Giê-ri-cô xây lại một phần vách, còn Xa-cua, con trai Im-ri, xây kế bên họ.

3 Các con trai của Hát-sê-na xây lại Cổng Cá,
đặt ván và dựng cửa, chốt cửa và đòn ngang vào
vị trí.
4 Mê-rê-mốt, con trai U-ri, con của Hát-cô, sửa
chữa kế bên họ. Mê-su-lam, con của Bê-rê-kia,
con trai của Mê-sê-sa-bên, xây sửa kế bên Mê-
rê-mốt. Còn Xa-đốc, con của Ba-a-na, sửa chữa
bên cạnh Mê-su-lam.
5 Những người từ Tê-cô-a sửa chữa kế bên
họ, nhưng những người trưởng toán của Tê-cô-
a không làm việc dưới quyền các đốc công của
họ.
6 Giô-gia-đa, con Pha-sê-a và Mê-su-lam, con
Bê-sô-đia sửa chữa Cổng Cũ. Họ đặt ván và dựng
cửa, chốt cửa và đòn ngang vào vị trí.
7 Tiếp theo họ có Mê-la-tia từ Ghi-bê-ôn cùng
những người khác từ Ghi-bê-ôn và Mích-ba, với
Gia-đôn từ Mê-rô-nốt cũng sửa chữa. Đó là
những khu vực thuộc quyền cai trị của viên
thống đốc vùng Ơ-phơ-rát.
8 Kế họ có U-xi-ên, con trai Ha-hai-gia, thợ bạc,
cũng sửa chữa. Kế người có Ha-na-nai-gia, thợ
làm dầu thơm, sửa chữa. Những người đó xây
sửa lại Giê-ru-sa-lem cho đến Cửa Rộng.
9 Phần kế tiếp của vách do Rê-phai-a, con Hu-
rơ, quan cai trị phân nửa quận Giê-ru-sa-lem
sửa chữa.
10 Cạnh người có Giê-đai-gia, con trai Ha-ru-
máp sửa chữa phần đối diện nhà mình. Kế bên
người có Ha-túc, con Ha-sáp-nia sửa chữa.
11 Manh-ki-gia, con Ha-rim và Hát-súp, con
Pha-hát Mô-áp sửa chữa phần khác của vách và

Tháp Lò.
12 Kế họ có Sa-lum, con Ha-lô-hết, viên quan
cai quản nửa quận Giê-ru-sa-lem. Các con gái
người cũng tham gia công tác sửa chữa.
13 Ha-nun và những người từ Xa-nô-a sửa chữa
Cổng Thung Lũng, xây dựng lại cổng đó, dựng
cửa, chốt cửa và đặt các đòn ngang vào vị trí. Họ
cũng sửa chữa hơn bốn trăm thước* vách chạy
dài cho đến Cổng Rác.
14 Manh-ki-gia, con Rê-cáp, viên quan cai trị
quận Bết Ha-kê-rem, sửa chữa Cổng Rác. Người
xây lại cổng đó, dựng cửa, chốt cửa và đặt các
đòn ngang vào vị trí.
15 Sa-lum, con của Côn-Hô-giê, viên quan cai
trị quận Mích-ba sửa chữa Cổng Suối Nước.
Người xây sửa lại cổng đó, dựng mái che lên
trên, đặt cửa, chốt cửa và các đòn ngang vào vị
trí. Người cũng sửa chữa vách của Hồ Si-lôm kế
cận Vườn Vua chạy dài cho tới các bậc thềm đi
xuống phần xưa cũ của thành Đa-vít.
16 Kế Sa-lum có Nê-hê-mi, con Ách-búc, viên
quan cai trị phân nửa quận Bết-sua. Người sửa
chữa phần đối diện mả của Đa-vít và chạy tới hồ
nhân tạo và Nhà của Các Anh hùng.
17 Kế người có các người Lê-vi sửa chữa. Họ
làm việc dưới quyền coi sóc của Rê-hum, con
Ba-ni. Kế người có Ha-sa-bia, quan cai trị nửa
quận Kê-I-la, tức quận của mình.

---

* **3:13:** ***hơn bốn trăm thước*** Nguyên văn, “1.000 cu-bít” (khoảng 444 thước).

18 Cạnh người có Binh-nui, con Hê-na-đát và
những người Lê-vi sửa chữa. Binh-nui là quan
cai trị nửa quận Kê-I-la.
19 Kế họ có Ê-xe, con Giê-sua, quan cai trị
Mích-ba, sửa chữa phần khác của vách. Người
làm việc đối diện với kho vũ khí, đến chỗ quẹo.
20 Kế người có Ba-rúc, con Xáp-bai, ra công
dựng lại vách từ chỗ quẹo cho đến cổng nhà
của Ê-li-a-síp, thầy tế lễ cả.
21 Kế người là Mê-rê-mốt, con U-ri, con Hát-cô
sửa chữa phần vách chạy từ cổng nhà Ê-li-a-síp
cho đến cuối nhà.
22 Khu vực kế tiếp do các thầy tế lễ từ sống gần
vùng đó† phụ trách sửa chữa.
23 Kế họ có Bên-gia-min và Hát-súp sửa chữa
trước mặt nhà họ. Tiếp đến có A-xa-ria, con Ma-
a-sê-gia, con A-na-nia, sửa chữa bên cạnh nhà
mình.
24 Cạnh người có Binh-nui, con Hê-na-đát, sửa
chữa vách chạy từ nhà A-xa-ria đến chỗ quẹo
cho tới góc thành.
25 Pha-lanh, con U-sai sửa chữa đối diện từ chỗ
quẹo cạnh tháp ở cung điện trên, gần sân của
toán cận vệ vua. Kế bên Pha-lanh có Phê-đai-
gia, con Pha-rốt sửa chữa.
26 Những người giúp việc trong đền thờ cư
ngụ trên đồi Ô-phen sửa chữa cho đến điểm đối
ngang Cổng Nước. Rồi họ sửa chữa về phía đông
và phía tháp chạy từ cung vua.

† **3:22:** ***vùng đó*** Có lẽ là vùng “Thung Lũng sông Giô-đanh.”

27 Kế họ có những người ở Tê-cô-a sửa chữa
vách từ tháp cao chạy dài từ cung vua cho đến
vách Ô-phen.
28 Các thầy tế lễ sửa chữa phía trên Cổng Ngựa,
mỗi người lo phần trước mặt nhà mình.
29 Kế bên họ có Xa-đốc, con của Im-mê sửa
chữa đối diện nhà mình. Cạnh người có Sê-mai-
gia, con Sê-ca-nia, lính canh Cổng phía đông,
cũng sửa chữa.
30 Kế bên người có Ha-na-nia, con Sê-lê-mia và
Ha-nun, con thứ sáu của Xa-láp, sửa chữa phần
khác của vách. Cạnh họ có Mê-su-lam, con Bê-
rê-kia sửa chữa ngay trước nơi ở của mình.
31 Kế người có Manh-ki-gia, một trong những
thợ bạc, cũng sửa chữa. Người sửa cho đến
nhà của các đầy tớ phục vụ trong đền thờ và
các thương gia. Đó là phần nằm đối diện Cổng
Thanh tra, và làm cho đến phòng phía trên góc
vách.
32 Các thợ bạc và thương gia sửa chữa phần
nằm giữa phòng phía trên của góc vách và Cổng
Chiên.

4

Những kẻ chống lại việc tái thiết

1 Khi San-ba-lát nghe chúng tôi xây sửa lại
vách thành, hắn rất bất bình đến độ tức tối. Hắn
chế diễu dân Do-thái.
2 Hắn bảo bạn hữu và những kẻ có thế lực ở
Xa-ma-ri rằng, “Bọn Do-thái yếu hèn đó mà làm
được gì? Tụi nó xây lại vách thành à? Rồi dâng

của lễ hả? Bộ chúng xây một ngày là xong sao? Liệu chúng có thể phục hồi sinh lực của các tảng đá đã thành đống rác hay tro tàn được sao?”

3 Tô-bia người Am-môn đứng kế San-ba-lát
cũng phụ họa, “Nếu có con chồn trèo lên vách
đá mà chúng đang xây cũng đủ làm nó sập liền.”

4 Tôi cầu nguyện, “Thượng Đế ơi, xin nghe
chúng tôi. Người ta ghét chúng tôi. Xin đổ sự sỉ
nhục của San-ba-lát và Tô-bia lại trên đầu chúng
nó. Xin cho chúng nó bị bắt làm tù đày và làm
chiến lợi phẩm.
5 Xin đừng giấu tội lỗi hay cất gian ác chúng
nó khỏi mắt chúng nó vì chúng nó đã sỉ nhục
những thợ sửa chữa.”

6 Nên chúng tôi xây lại vách đến phân nửa
chiều cao, vì dân chúng hăng say làm việc.

7 Nhưng San-ba-lát, Tô-bia, những người Á-
rập, người Am-môn, người từ Ách-đốt đều tức
giận khi chúng nghe chương trình sửa chữa
vách thành Giê-ru-sa-lem tiến triển đều đặn và
các lỗ trong vách thành đang được trám lại.
8 Cho nên họ lập mưu đến Giê-ru-sa-lem kiếm
chuyện để gây rối, ngăn trở việc xây cất.
9 Nhưng chúng tôi cầu nguyện cùng Thượng
Đế và cắt lính canh chừng họ cả ngày lẫn đêm.

10 Dân Giu-đa báo cáo, “Các nhân công đã mệt
mỏi rồi. Rác rưởi nhiều quá chúng tôi không thể
xây sửa vách thành được nữa.”

11 Các kẻ thù chúng tôi bảo, “Bọn Do-thái
không biết, không thấy gì hết cho đến khi chúng
ta ập đến giết chúng và làm gián đoạn công tác.”
12 Mười lần những người Do-thái sống cạnh
các kẻ thù chúng tôi đến báo cáo, “Quay phía
nào cũng bị kẻ thù tấn công.”
13 Vì thế tôi đặt người gác những nơi thấp nhất
dọc theo vách tức các chỗ trống và cắt các gia
đình làm việc chung nhau, mang theo gươm,
giáo, cung tên.
14 Rồi tôi nhìn quanh quất và đứng lên bảo
các người có uy tín, các người lãnh đạo, và cùng
toàn thể dân chúng: “Anh em đừng sợ họ. Hãy
nhớ CHÚA là Đấng cao cả và quyền năng. Hãy
chiến đấu vì anh em, con trai và con cái mình,
cho vợ và nhà cửa mình.”
15 Sau đó các kẻ thù nghe rằng chúng tôi đã
hay biết âm mưu của chúng và Thượng Đế đã
phá hỏng âm mưu chúng. Cho nên chúng tôi
trở lại công tác xây sửa vách thành, ai lo làm
phần nấy.
16 Từ hôm đó trở đi, phân nửa số thợ lo xây
sửa. Phân nửa khác sẵn sàng gươm, thuẫn, cung
tên, và vũ khí. Các sĩ quan đứng phía sau người
Giu-đa
17 là những người đang xây lại vách. Những
người mang vật liệu bằng một tay, còn tay kia
cầm vũ khí.
18 Mỗi người thợ đều mang theo vũ khí bên
hông đang khi làm việc. Còn người thổi kèn báo
động đứng kế bên tôi.

19 Rồi tôi bảo những người có uy tín, các người
lãnh đạo và toàn thể dân chúng rằng, “Công tác
nầy rất lớn lao. Chúng ta phân tán mỏng dọc
theo vách thành cho nên cách nhau quá xa.
20 Khi nào các anh em nghe tiếng kèn báo động
thì hãy tập họp lại chỗ đó. Thượng Đế của chúng
ta sẽ chiến đấu cho chúng ta.”
21 Cho nên chúng tôi tiếp tục làm việc, phân
nửa số người cầm gươm giáo từ sáng sớm cho
đến khi sao mọc.
22 Lúc đó tôi cũng bảo dân chúng, “Mỗi người
thợ và các người phụ việc phải ngủ đêm lại Giê-
ru-sa-lem. Ban đêm họ làm lính tuần canh, còn
ban ngày thì làm việc.”
23 Tôi, anh em tôi, các người thợ, hay các lính
tuần canh đều không thay quần áo. Mỗi người
đều mang theo vũ khí cả lúc đi lấy nước nữa.

5

Nê-hê-mi bênh vực người nghèo

1 Một số người đàn ông và các bà vợ khiếu nại
về đồng bào Do-thái khác.
2 Họ bảo, “Gia đình chúng tôi đông con, trai
lẫn gái. Muốn sống chúng tôi phải ăn bằng thóc
gạo.”
3 Một số người khác bảo, “Chúng tôi cầm thế
ruộng, vườn nho, nhà cửa để lấy tiền mua thóc
gạo vì thực phẩm khan hiếm.”
4 Một số người khác nữa nói, “Chúng tôi phải
vay tiền để trả thuế ruộng nương và vườn nho
cho vua.

5 Chúng tôi cũng giống như các anh em Do-thái
khác, con chúng tôi cũng như con họ. Nhưng
chúng tôi phải bán con trai con gái mình làm tôi
mọi. Một số con gái chúng tôi đã bị bán. Chúng
tôi không biết làm gì hơn vì đất ruộng và vườn
nho chúng tôi thuộc về người khác rồi."

6 Khi tôi nghe những lời khiếu nại đó tôi vô
cùng tức giận.
7 Sau khi suy xét kỹ về vấn đề nầy, tôi liền
trách những người có uy tín, những người lãnh
đạo trong dân chúng. Tôi bảo, "Mấy anh em
cho vay ăn lời cắt cổ." Cho nên tôi triệu tập một
phiên họp lớn để giải quyết.
8 Tôi bảo họ, "Chúng ta đã chuộc tự do cho
đồng bào Do-thái mình là những kẻ đã bị bán
cho người ngoại quốc. Bây giờ anh em lại bán
đồng bào Do-thái mình cho chúng tôi!" Các
người lãnh đạo làm thinh, không biết nói làm
sao.
9 Tôi tiếp, "Điều anh em làm thật không đúng
chút nào. Anh em không kính sợ Thượng Đế
sao? Đừng để những kẻ thù ngoại quốc sỉ nhục
chúng ta.
10 Tôi, anh em tôi, và những người làm cho tôi
cũng cho dân chúng mượn tiền, thóc gạo và lấy
lời. Nhưng anh em không nên làm như thế.
11 Bây giờ hãy trả lại ruộng nương, vườn nho,
cây ô liu, và nhà cửa cho họ. Cũng phải hoàn trả
lại số tiền lời quá đáng mà anh em đã thu, tức
một phần trăm tiền cho vay, gạo thóc, rượu mới
và dầu."

12 Họ đáp, “Chúng tôi sẽ trả lại cho dân chúng
và không đòi họ thêm gì cả. Chúng tôi sẽ làm
theo như ông nói.”
Rồi tôi gọi các thầy tế lễ và buộc các người có
uy tín và các người lãnh đạo tuyên thệ thực hiện
lời họ cam kết.
13 Tôi cũng giũ áo tôi và tuyên bố, “Những ai
không giữ lời cam kết sẽ bị Thượng Đế giũ ra
như thế nầy. Cầu Thượng Đế giũ họ ra khỏi nhà
Ngài và ra khỏi tài sản họ. Nguyện người đó bị
giũ ra còn tay không!”
Rồi toàn thể mọi người nói, “A-men,” và ca
ngợi CHÚA. Vậy dân chúng làm theo điều họ cam
kết.
14 Năm thứ hai mươi* đời vua Ạc-ta-xét-xe, tôi
được cử làm tổng trấn đất Giu-đa. Tôi giữ chức
tổng trấn xứ Giu-đa trong mười hai năm cho đến
năm thứ ba mươi hai đời vua đó. Trong thời
gian tại chức tôi hay anh em tôi không hề hưởng
lương thực dành cho quan tổng trấn.
15 Nhưng các quan tổng trấn trước tôi đè đầu
cỡi cổ dân chúng. Họ thu một cân† bạc từ mỗi
người, không kể thực phẩm và rượu. Những
người giúp việc cho quan tổng trấn trước tôi
cũng chèn ép dân chúng, nhưng tôi không làm
như vậy vì tôi kính sợ Thượng Đế.
16 Tôi làm công tác sửa chữa vách thành cũng
như tất cả đầy tớ tôi có mặt tại đó. Chúng tôi

* **5:14:** ***Năm thứ hai mươi*** Khoảng năm 444–432 trước Công nguyên. † **5:15:** ***một cân*** Nguyên văn, “40 sê-ken” (khoảng nửa kí-lô).

không mua ruộng nương của ai.

17 Ngoài ra tôi thết đãi một trăm năm mươi
người và viên chức Do-thái ăn cùng bàn với tôi,
luôn cả những người đến từ các quốc gia lân
cận.

18 Thức ăn chuẩn bị hằng ngày gồm có: một
con bò, sáu con chiên mập, và chim chóc. Mỗi
mười ngày lại có đủ thứ rượu. Nhưng tôi không
hề đòi hỏi lương thực dành cho quan tổng trấn
vì dân chúng đã phải làm lụng vất vả lắm rồi.

19 Lạy Thượng Đế, xin nhớ tỏ lòng nhân từ đối
với tôi vì những điều tốt tôi đã làm cho dân nầy.

6

Rắc rối thêm cho Nê-hê-mi

1 Lúc đó San-ba-lát, Tô-bia, Ghê-sem người Á-
rập, và những kẻ thù khác của chúng tôi nghe
rằng tôi đã sửa chữa lại vách thành và không
còn lỗ trống nào trong vách. Nhưng tôi chưa
cho dựng các cánh cửa của cổng thành.

2 Nên San-ba-lát và Ghê-sem nhắn với tôi như
sau: “Nầy anh Nê-hê-mi, chúng ta hãy gặp nhau
ở Kê-phi-rim trong bình nguyên Ô-nô.”

Nhưng thực tâm là chúng định ám hại tôi.

3 Nên tôi cho người trả lời họ như sau: “Tôi
đang bận làm công tác lớn nên không thể xuống
được. Tôi không thể nào bỏ dở công việc để gặp
các anh.”

4 San-ba-lát và Ghê-sem nhắn tôi bốn lần, lần
nào tôi cũng trả lời hắn y như vậy.

5 Lần thứ năm San-ba-lát cho người giúp việc
của hắn nhắn tôi, tay cầm theo thư không dán.
6 Thư viết như sau:
Có tiếng đồn trong các nước, và Ghê-sem đã
kiểm chứng thấy là đúng sự thật, rằng anh và
những người Giu-đa đang âm mưu chống lại vua
và rằng anh đang xây sửa vách thành. Họ bảo
rằng anh sẽ là vua của họ
7 và rằng anh đã chỉ định các nhà tiên tri để
loan báo tại Giê-ru-sa-lem: "Ở đây có một vua
Giu-đa!"
Nhà vua sẽ nghe biết việc nầy. Cho nên chúng
ta hãy gặp nhau để thảo luận vấn đề.
8 Tôi liền nhắn lại với hắn: "Điều anh nói
không đúng sự thật. Anh chỉ tưởng tượng ra
trong trí thôi."
9 Kẻ thù chúng tôi muốn làm cho chúng tôi
hoảng sợ vì chúng nghĩ rằng, "Bọn chúng quá
hèn yếu không làm việc nổi. Vách thành không
thể nào xong được."
Nhưng tôi cầu nguyện, "Lạy Thượng Đế, xin
giúp tôi can đảm."
10 Một ngày nọ tôi đi đến nhà của Sê-mai-gia,
con Đê-lai-gia, cháu Mê-hê-ta-bên. Sê-mai-gia
phải nghỉ ở nhà. Anh bảo, "Anh Nê-hê-mi à,
chúng ta hãy gặp nhau trong đền thờ Thượng
Đế. Hãy đi vào Nơi Thánh* rồi đóng cửa lại vì
có người định đến lúc ban đêm để giết anh đó."

---

* **6:10:** ***Nơi Thánh*** Nguyên văn, "cung điện." Chỉ có thầy tế lễ mới được phép đi vào khu vực nầy của đền thờ.

11 Nhưng tôi bảo, “Người như tôi mà bỏ chạy
à? Tôi mà chạy vào đền thờ để thoát chết sao?
Tôi không làm như thế được.”
12 Tôi biết không phải Thượng Đế sai anh ta
mà Tô-bia và San-ba-lát đã trả tiền cho anh nói
tiên tri nghịch tôi.
13 Chúng trả tiền cho anh ta để khiến tôi sợ hãi
buộc phải làm theo điều anh ta đề nghị và phạm
tội. Rồi chúng sẽ bêu xấu tôi và làm nhục tôi.
14 Tôi cầu nguyện, “Lạy Thượng Đế, xin nhớ
Tô-bia và San-ba-lát cùng những điều chúng
làm. Cũng xin Ngài nhớ đến nữ tiên tri Nô-a-đia
và các tiên tri khác đã tìm cách làm tôi hoảng
sợ.”

Vách thành sửa chữa xong

15 Vách thành Giê-ru-sa-lem được xây sửa
xong vào ngày hai mươi lăm tháng Ê-lun†. Công
tác sửa chữa mất năm mươi hai ngày.
16 Khi các kẻ thù chúng tôi nghe và các quốc
gia lân cận thấy việc đó thì đâm ra xấu hổ. Lúc
đó chúng biết rằng công tác nầy được hoàn tất
là do Thượng Đế chúng tôi hỗ trợ.
17 Cũng trong những ngày đó các người có uy
tín của Giu-đa gởi nhiều thư cho Tô-bia và hắn
trả lời các lá thư của họ.
18 Nhiều người Giu-đa cam kết trung thành với
Tô-bia vì hắn là rể của Sê-ca-nia, con A-ra. Còn
Giê-hô-ha-nan, con trai Tô-bia lấy con gái Mê-su-
lam, con Bê-rê-kia.

† **6:15:** ***tháng Ê-lun*** Tức khoảng tháng 8-10 dương lịch, vào năm 443 trước Công nguyên.

19 Những người ấy khen Tô-bia là người tốt
đồng thời thuật cho anh ta nghe những điều tôi
làm. Vì thế Tô-bia gởi thơ hăm dọa tôi.

7

1 Sau khi vách thành đã được xây sửa xong và
tôi đã lắp cửa, thì tôi chọn những người gác cửa,
các ca sĩ và người Lê-vi.
2 Tôi đặt Ha-na-ni, em tôi, cùng với Ha-na-nia,
chỉ huy cung điện, chịu trách nhiệm canh giữ
Giê-ru-sa-lem. Ha-na-nia là người lương thiện
và kính sợ Thượng Đế hơn tất cả mọi người.
3 Tôi bảo họ, "Không nên mở cổng thành Giê-
ru-sa-lem cho đến khi mặt trời lên cao. Trong
lúc các người gác cổng đang thi hành nhiệm
vụ, bảo họ đóng cổng khóa chốt lại. Hãy cắt
đặt những người ở Giê-ru-sa-lem làm lính tuần
canh, đặt một số ở các vọng canh, một số canh
ở nhà mình."

Những tù binh trở về

4 Thành phố thì rộng lớn bao la mà dân cư thì
thưa thớt, nhà cửa cũng chưa xây cất lại.
5 Cho nên Thượng Đế của tôi giục tôi triệu
tập các người có uy tín, các lãnh tụ, và những
thường dân để tôi đăng ký họ theo gia đình.
Tôi tìm được gia phổ* của những người đã hồi
hương lần đầu tiên. Sau đây là những điều ghi
trong các gia phổ đó:
6 Dưới đây là những người trong vùng trở về
nước sau cuộc lưu đày mà Nê-bu-cát-nết-xa, vua

* **7:5: *gia phổ*** Xem E-xơ-ra 2.

Ba-by-lôn đã bắt mang đi. Họ trở về Giê-ru-sa-lem và xứ Giu-đa, mỗi người trở về nguyên quán mình.
7 Những người sau đây hồi hương cùng với Xê-ru-ba-bên, Giê-sua, Nê-hê-mi, A-xa-ria, Ra-a-mia, Na-ha-ma-ni, Mạc-đô-chê, Binh-san, Mích-phê-rết, Bích-vai, Nê-hum, và Ba-a-na.

Sau đây là những người thuộc dân Ít-ra-en:
8 con cháu Pha-rốt: 2.172 người;
9 con cháu Sê-pha-tia: 372 người;
10 con cháu A-ra: 652 người;
11 con cháu Pha-hát Mô-áp (qua gia đình Giê-sua và Giô-áp): 2.818 người;
12 con cháu Ê-lam: 1.254 người;
13 con cháu Giát-tu: 845 người;
14 con cháu Giác-cai: 760 người;
15 con cháu Binh-nui: 648 người;
16 con cháu Bê-bai: 628 người;
17 con cháu Ách-gát: 2.322 người;
18 con cháu A-đô-ni-cam: 667 người;
19 con cháu Bích-vai: 2.067 người;
20 con cháu A-đinh: 655 người;
21 con cháu A-tơ (qua Hê-xê-kia): 98 người;
22 con cháu Ha-sum: 328 người;
23 con cháu Bê-dai: 324 người;
24 con cháu Ha-ríp: 112 người;
25 con cháu Ghi-bê-ôn: 95 người;

26 Những người sau đây thuộc thị trấn Bết-lê-hem và Nê-tô-pha: 188 người;
27 thuộc A-na-thốt: 128 người;
28 thuộc Bết A-ma-vết: 42 người;

29 thuộc Ki-ri-át Giê-a-rim, Kê-phi-ra, và Bê-ê-rốt: 743 người;
30 thuộc Ra-ma và Ghê-ba: 621 người;
31 thuộc Mích-ma: 122 người;
32 thuộc Bê-tên và A-hi: 123 người;
33 thuộc Nê-bô thứ nhì: 52 người;
34 thuộc thị trấn Ê-lam thứ nhì: 1.254 người;
35 thuộc Ha-rim: 320 người;
36 thuộc Giê-ri-cô: 345 người;
37 thuộc Lốt, Ha-đích, và Ô-nô: 721 người;
38 thuộc Sê-na-a: 3.930 người;
39 Sau đây là những thầy tế lễ: con cháu Giê-đai-gia, qua gia đình Giê-sua: 973 người;
40 con cháu Im-mê: 1.052 người;
41 con cháu Pha-sua: 1.247 người;
42 con cháu Ha-rim: 1.017 người;
43 Sau đây là những người Lê-vi: con cháu Giê-sua, qua Cát-miên, qua gia đình của Hô-đa-via†: 74 người;
44 Sau đây là những ca sĩ: con cháu A-sáp: 148 người;
45 Sau đây là những người gác cửa: con cháu Sa-lum, A-te, Tanh-môn, Ác-cúp, Ha-ti-ta, và Sô-bai: 138 người.
46 Sau đây là những đầy tớ phục vụ trong đền thờ: con cháu Di-ha, Ha-su-pha, Táp-bao-ốt,
47 Kê-rốt, Sia, Pha-đôn,
48 Lê-ba-na, Ha-ga-ba, Sanh-mai,
49 Ha-nan, Ghi-đen, Ga-ha,
50 Rê-ai-gia, Rê-xin, Nê-cô-đa,

† **7:43:** ***Hô-đa-via*** Hay “Hô-đê-gia.”

51 Ga-giam, U-xa, Pha-sê-a,
52 Bê-sai, Mê-u-nim, Nê-phu-sim,
53 Bát-cúc, Ha-ku-pha, Ha-hua,
54 Bát-lút, Mê-hi-đa, Hát-sa,
55 Bát-cốt, Si-sê-ra, Thê-ma,
56 Nê-xia, và Ha-ti-pha.

57 Sau đây là con cháu của các đầy tớ Sô-lô-môn: con cháu Sô-tai, Sô-phê-rết, Phê-ri-đa,
58 Gia-a-la, Đác-côn, Ghi-đen,
59 Sê-pha-tia, Hát-tin, Phô-kê-rết Ha-giê-ba-im, và Am-môn.

60 Các đầy tớ phục vụ trong đền thờ của Sô-lô-môn tổng cộng là 392 người.

61 Một số người đến Giê-ru-sa-lem từ các thị trấn như Tên-Mê-la, Tên-Hát-sa, Kê-rúp, Ách-đôn, và Im-mê, nhưng họ không chứng minh được gốc gác tổ tiên mình là người Ít-ra-en. Sau đây là tên và nhân số của họ:
62 con cháu Đê-lai-gia, Tô-bia, và Nê-cô-đa: 642 người;

63 Các thầy tế lễ sau đây không chứng minh được gốc gác Ít-ra-en của mình: con cháu Hô-bai-gia, Hách-côi, và Bát-xi-lai. (Ai lấy con gái Bát-xi-lai vùng Ghi-lê-át thì được xem là dòng dõi Bát-xi-lai.)
64 Những người đó sưu tầm gia phổ nhưng không tìm được. Nên họ không thể làm thầy tế lễ vì họ bị xem như không đủ năng cách.
65 Quan tổng trấn ra lệnh cho họ không được phép ăn các thức ăn cực thánh cho đến khi một

thầy tế lễ dùng U-rim và Thu-mim để giải quyết
vấn đề nầy.
66 Tổng số người hồi hương là 42.360.
67 Trong số đó không kể 7.337 tôi trai tớ gái của
họ và 245 nam nữ ca sĩ cùng về với họ.
68 Họ có 736 con ngựa, 245 con la,
69 435 con lạc đà, và 6.720 con lừa.
70 Một số các trưởng gia đình dâng công. Quan
tổng trấn ứng vào ngân quỹ khoảng 19 cân‡
vàng, 50 chén bát, và 530 bộ áo cho các thầy
tế lễ.
71 Một số trưởng gia đình dâng khoảng 375
cân§ vàng và 2.750 cân* bạc vào ngân quỹ.
72 Tổng số lễ vật của các người khác là khoảng
375 cân vàng, 2.500 cân† bạc, và 67 bộ áo cho
thầy tế lễ.
73 Vậy tất cả những người sau đây định cư tại
các tỉnh nhà của mình: các thầy tế lễ, người Lê-
vi, những người gác cửa, các ca sĩ, các đầy tớ
phục vụ trong đền thờ. Đến tháng bảy‡ năm ấy,
toàn dân Ít-ra-en đều đã định cư xong trong các
thành mình.

E-xơ-ra đọc những lời giáo huấn

Đến tháng bảy, tất cả dân Ít-ra-en đều định cư
xong tại các thị trấn nguyên quán của mình.

---

‡ **7:70:** ***19 cân*** Nguyên văn, “1.000 đắc ma” (khoảng 8,60 kí-lô).
§ **7:71:** ***375 cân*** Nguyên văn, “20.000 đắc ma” (khoảng 172,50 kí-lô). * **7:71:** ***2.750 cân*** Nguyên văn, “2.200 mi-na” (khoảng 1.265 kí-lô). † **7:72:** ***2.500 cân*** Nguyên văn, “2.000 mi-na” (khoảng 1.150 kí-lô). ‡ **7:73:** ***tháng bảy*** Theo lịch Do-thái tức khoảng tháng 9-10 dương lịch. Xem thêm 8:1, 14-15.

8

1 Tất cả dân Ít-ra-en tập họp tại công viên gần
Cổng Nước. Họ yêu cầu E-xơ-ra là chuyên gia về
luật mang đến Sách Giáo Huấn của Mô-se mà
CHÚA đã ban cho dân Ít-ra-en.
2 Cho nên ngày đầu tiên của tháng*, E-xơ-ra là
thầy tế lễ mang sách Giáo Huấn ra đọc cho dân
chúng. Đàn ông, đàn bà, và tất cả những ai có
thể nghe và hiểu được đều họp lại.
3 Tại công viên gần Cổng Nước, E-xơ-ra đọc
lớn lời Giáo Huấn từ sáng sớm cho đến trưa cho
tất cả đàn ông, đàn bà, cùng những ai có thể
nghe và hiểu được. Mọi người đều chăm chú
nghe Sách Giáo Huấn.
4 Chuyên gia luật pháp E-xơ-ra đứng trên một
bục gỗ cao đã được đóng cho việc đó. Bên
phải ông có Ma-ti-thia, Sê-ma, A-nai-gia, U-ri-a,
Hinh-kia, và Ma-a-sê-gia. Bên trái ông có Bê-đai-
gia, Mi-sa-ên, Manh-ki-gia, Ha-sun, Hát-bát-đa-
na, Xa-cha-ri, và Mê-su-lam.
5 E-xơ-ra mở sách ra trước mắt mọi người, vì
ông đứng cao hơn họ. Khi ông mở sách ra thì
mọi người đứng dậy.
6 E-xơ-ra ca ngợi CHÚA, Thượng Đế chí cao,
mọi người liền giơ tay lên trời nói, “A-men! A-
men!” Rồi họ sấp mặt xuống đất bái lạy CHÚA.
7 Những người Lê-vi sau đây giải thích Lời Giáo
Huấn cho dân chúng đang đứng đó: Giê-sua, Ba-

* **8:2:** ***ngày đầu tiên của tháng*** Đây là một ngày đặc biệt để thờ phụng. Dân chúng họp lại để cùng ăn chung với nhau.

ni, Sê-rê-bia, Gia-min, Ác-cúp, Sa-bê-thai, Hô-đia, Ma-a-sê-gia, Kê-li-ta, A-xa-ria, Giô-xa-bát, Ha-nan, và Bê-lai-gia.

8 Họ đọc Sách Giáo Huấn của Thượng Đế và
giải nghĩa cho dân chúng hiểu điều đang đọc.
9 Rồi Nê-hê-mi, quan tổng trấn, E-xơ-ra, thầy
tế lễ và chuyên gia luật, và những người Lê-
vi đang dạy dỗ bảo toàn thể dân chúng, "Hôm
nay là ngày thánh† cho CHÚA là Thượng Đế các
ngươi. Đừng buồn bã hay than khóc." Vì dân
chúng đều khóc sướt mướt khi nghe đọc lời
trong Sách Giáo Huấn.
10 Nê-hê-mi bảo, "Hãy đi ăn uống cho ngon.
Hãy mang thức ăn cho những người thiếu thốn,
vì hôm nay là ngày thánh cho CHÚA. Không nên
buồn bã vì sự vui vẻ của CHÚA sẽ giúp các ngươi
mạnh dạn."
11 Người Lê-vi khuyên dỗ dân chúng và bảo,
"Hãy yên lặng vì hôm nay là ngày thánh. Đừng
buồn."
12 Vậy dân chúng đi về ăn và uống, gởi thực
phẩm cho những người khác và hớn hở ăn
mừng. Sau cùng họ đã hiểu được điều dạy dỗ.
13 Vào ngày mồng hai của tháng, các trưởng
gia đình, các thầy tế lễ, và những người Lê-vi
họp chung với chuyên gia luật E-xơ-ra. Họ họp
nhau lại để học hỏi những lời trong Sách Giáo
Huấn.

† **8:9:** ***ngày thánh*** Hay ngày đặc biệt Ngày đầu tiên và ngày thứ nhì của tháng là những ngày đặc biệt để thờ phụng. Dân chúng họp lại để cùng ăn chung với nhau.

14 Họ thấy trong Sách Giáo Huấn viết như sau:
CHÚA truyền qua Mô-se là dân Ít-ra-en phải ở
trong các chòi lá vào thời gian kỷ niệm lễ tháng
bảy.
15 Dân chúng phải phổ biến lời dạy dỗ sau đây
trong các thị trấn và tại Giê-ru-sa-lem: “Hãy lên
núi, hái về các nhánh ô-liu cùng các cây ô-liu
hoang, cành cây sim, cành chà là, và cành cây có
bóng mát. Dùng những nhành cây đó làm chòi
lá theo như đã viết.”
16 Cho nên dân chúng đi ra mang về các nhánh
cây. Họ dựng chòi lá trên mái nhà, trong sân,
trong sân đền thờ, trong công viên ở Cổng Nước,
và nơi công viên kế bên Cổng Ép-ra-im.
17 Tất cả những người đã trở về từ cuộc lưu
đày đều dựng chòi ở trong đó. Từ thời Giô-suê,
con trai của Nun cho đến lúc bấy giờ dân Ít-ra-en
chưa hề làm như vậy. Ai nấy đều rất vui mừng.
18 Mỗi ngày E-xơ-ra đọc cho họ nghe Sách Giáo
Huấn, từ ngày đầu tới ngày cuối. Dân Ít-ra-en
cử hành lễ trong bảy ngày, rồi đến ngày thứ tám
họ họp nhau lại theo như luật định.

9

Dân Ít-ra-en xưng tội

1 Vào ngày hai mươi bốn tháng đó, dân Ít-ra-
en họp nhau lại. Họ cữ ăn và mặc vải sô, phủ
bụi đất lên đầu để tỏ sự buồn thảm.

2 Những người gốc Ít-ra-en tách ra khỏi những
người ngoại quốc. Họ đứng lên xưng tội mình
và tội của tổ tiên mình.
3 Họ đứng suốt ba tiếng đồng hồ liền để nghe
đọc Sách Giáo Huấn của CHÚA là Thượng Đế của
họ. Ba tiếng đồng hồ kế tiếp họ xưng tội và thờ
phụng CHÚA là Thượng Đế của họ.
4 Những người Lê-vi sau đây đứng trên bậc
thang: Giê-sua, Ba-ni, Cát-miên, Sê-ba-nia, Bun-
ni, Sê-rê-bia, Ba-ni, và Ca-na-ni. Họ lớn tiếng kêu
cầu cùng CHÚA là Thượng Đế mình.
5 Rồi những người Lê-vi sau đây lên tiếng: Giê-
sua, Cát-miên, Ba-ni, Ha-sáp-nê-gia, Sê-rê-bia,
Hô-đia, Sê-ba-nia, và Bê-tha-hia. Họ bảo,

"Hãy đứng dậy ca ngợi CHÚA là Thượng Đế
các ngươi, Đấng sống đời đời."

Lời cầu nguyện của dân chúng

"Đáng chúc tụng danh kỳ diệu của Ngài.
Danh đó thật diệu kỳ hơn những lời chúc
tụng và ca ngợi.
6 Ngài là CHÚA duy nhất.
Ngài tạo nên trời và các từng trời rất cao,
cùng các ngôi sao.
Ngài dựng nên trái đất và mọi loài trong đó,
Biển và mọi loài trong biển;
Ngài ban sự sống cho mọi loài.
Các thiên thần phụng thờ Ngài.
7 Ngài là CHÚA, là Thượng Đế,
Đấng đã chọn Áp-ram,
mang người ra khỏi U-rơ thuộc vùng Ba-by-lôn

và đổi tên người ra Áp-ra-ham.
8 Ngài nhận thấy người trung tín với Ngài,
cho nên Ngài lập ước với người
hứa cho dòng dõi người đất của dân Ca-na-an,
dân Hê-tít, dân A-mô-rít,
dân Phê-ri-sít, dân Giê-bu-sít, và dân Ghi-ga-sít.
Ngài đã giữ lời hứa mình,
Vì Ngài luôn luôn làm điều phải.
9 Ngài thấy các tổ tiên chúng tôi khổ sở nơi Ai-cập,
và nghe họ kêu khóc nơi Hồng hải.
10 Ngài làm nhiều điều kỳ diệu nghịch lại vua Ai-cập,
nghịch lại các quần thần và dân chúng của người,
vì Ngài biết họ rất tự phụ.
Ngài nổi danh như ngày nay.
11 Ngài rẽ biển trước mắt tổ tiên chúng tôi;
họ đi ngang qua trên đất khô,
Nhưng Ngài xô những kẻ đuổi theo họ xuống nước sâu,
như hòn đá bị quăng vào dòng nước chảy mạnh.
12 Ban ngày Ngài dẫn dắt các tổ tiên chúng tôi bằng một trụ mây,
còn ban đêm bằng một trụ lửa.
Chúng soi đường để dân chúng đi.
13 Ngài ngự xuống trên núi Si-nai,
từ trời Ngài phán với tổ tiên chúng tôi.
Ngài ban cho họ các luật lệ công bình
và những lời giáo huấn chân thật,

những huấn lệnh và chỉ thị tốt lành.
14 Ngài dạy họ về ngày Sa-bát thánh,
và ban cho họ các chỉ thị, huấn lệnh
qua Mô-se, tôi tớ Ngài.
15 Khi họ đói, Ngài ban cho họ bánh từ trời.
Khi họ khát, Ngài ban cho họ nước uống từ tảng đá.
Ngài bảo họ hãy vào chiếm xứ mà Ngài đã hứa ban cho họ.
16 Nhưng các tổ tiên chúng tôi kiêu căng và ương ngạnh,
không vâng huấn lệnh của Ngài.
17 Họ không thèm nghe;
họ quên những phép lạ Ngài làm cho họ.
Họ đâm ra ương ngạnh,
chống nghịch Ngài,
và tự chọn cho mình một người lãnh đạo
để đem họ trở về ách nô lệ.
Nhưng Ngài là Thượng Đế hay tha thứ.
Đầy lòng từ ái.
Ngài chậm nóng giận, giàu tình yêu lớn.
Nên Ngài không lìa bỏ họ.
18 Thậm chí các tổ tiên chúng tôi làm cho mình một tượng bò con.
Họ bảo, ‘Ít-ra-en ơi, đây là thần
đã mang ngươi ra khỏi Ai-cập.’
Họ nói phạm đến Ngài.
19 Ngài giàu lòng từ ái,
nên không bỏ rơi họ trong sa mạc.
Ban ngày có trụ mây dẫn đường,
ban đêm có trụ lửa soi sáng lối đi.

20 Ngài ban Thánh Linh nhân từ Ngài dạy dỗ họ.
Ban ma-na cho họ ăn và nước uống khi họ khát.
21 Trong suốt bốn mươi năm Ngài săn sóc họ;
Họ không thiếu thốn gì hết.
Áo quần họ không sờn,
Chân họ không sưng phù.
22 Ngài ban cho họ các vương quốc và các dân tộc;
và cấp thêm đất cho họ.
Họ chiếm xứ Si-hôn, vua của Hết-bôn
và xứ Óc, vua của Ba-san.
23 Ngài khiến cho con cháu họ đông như sao trên trời,
mang họ vào xứ mà Ngài bảo các tổ tiên họ vào chiếm lấy.
24 Cho nên các con cháu họ vào chiếm lấy xứ.
Người Ca-na-an đang sống trong xứ,
nhưng Ngài đánh bại dân ấy.
Ngài trao người Ca-na-an vào tay họ,
các vua chúng, và toàn dân của xứ,
để tổ tiên chúng tôi có thể mặc tình
đối xử với chúng.
25 Họ chiếm các thành trì vững chắc có vách cao
và đất đai phì nhiêu.
Họ chiếm nhà cửa có đầy đủ mọi thứ,
giếng đã đào sẵn,
cùng vườn nho, cây ô liu, và các cây ăn trái.
Họ ăn uống cho đến khi no say và mập béo;
Họ tận hưởng ơn phước dồi dào của Ngài.
26 Nhưng họ bất tuân và chống nghịch Ngài,

không đếm xỉa đến lời giáo huấn Ngài.
Các tiên tri Ngài khuyên răn họ trở về cùng Ngài,
Nhưng họ giết các tiên tri và nói phạm cùng Ngài.
27 Nên Ngài trao họ vào tay các kẻ thù,
để chúng ngược đãi họ.
Nhưng trong cơn khốn khổ các tổ tiên chúng tôi
kêu khóc cùng CHÚA,
từ trời Ngài liền nghe.
CHÚA có lòng từ bi lớn
nên sai các người giải cứu đến giải phóng họ
khỏi quyền lực kẻ thù.
28 Nhưng vừa khi họ được an tịnh,
họ lại làm ác.
Ngài liền trao họ cho kẻ thù thống trị họ.
Họ lại kêu khóc cùng Ngài,
từ trời Ngài nghe họ.
Vì lòng từ bi Ngài,
Ngài giải cứu họ nhiều lần.
29 Ngài khuyên răn họ trở về
với lời giáo huấn Ngài,
nhưng họ tự phụ,
không vâng theo huấn lệnh CHÚA,
là luật mà nếu ai vâng theo thì sẽ sống.
Nhưng họ quay lưng khỏi Ngài.
Họ ương ngạnh, bướng bỉnh, và không vâng lời.

30 Ngài kiên nhẫn với họ trong nhiều năm,
dùng Thánh Linh Ngài qua các nhà tiên tri
mà cảnh cáo họ,

nhưng họ chẳng thèm để ý.
Nên Ngài trao họ vào tay các quốc gia khác.

31 Nhưng do lòng từ bi lớn lao,
CHÚA không tuyệt diệt hay bỏ rơi họ.
Ngài là Thượng Đế nhân từ và bác ái.
32 Cho nên, Thượng Đế của chúng tôi ơi,
Ngài là Thượng Đế cao cả, quyền năng và kỳ diệu.
Ngài giữ giao ước của tình yêu.
Xin đừng làm ngơ trước những nỗi khốn khổ của chúng tôi.
Những nỗi khốn khổ nầy đến trên chúng tôi,
trên vua và các nhà lãnh đạo của chúng tôi,
trên các thầy tế lễ và các nhà tiên tri,
Trên các tổ tiên và dân tộc Ngài
từ đời các vua A-xy-ri cho đến hôm nay.
33 Những gì xảy ra cho chúng tôi thật xứng đáng
vì Ngài rất công bằng;
Ngài thành tín nhưng chúng tôi quá gian ác.
34 Các vua, các nhà lãnh đạo,
các thầy tế lễ, và các tổ tiên chúng tôi không nghe theo lời giáo huấn Ngài;
Họ không thèm để ý đến những huấn lệnh
và lời cảnh cáo Ngài.
35 Dù trong khi các tổ tiên chúng tôi
đang sống trong xứ,
vui hưởng những ơn lành Ngài ban cho,
tận hưởng đất đai phì nhiêu và khoảng khoát,
họ cũng vẫn cứ làm điều ác.
36 Vì thế ngày nay chúng tôi bị làm tôi mọi

trong xứ Ngài ban cho tổ tiên chúng tôi.
Đáng lẽ họ vui hưởng hoa quả và phúc lành,
Mà bây giờ chúng tôi phải làm nô lệ tại đây.
37 Mùa màng tốt đẹp của xứ thuộc về các vua
mà Ngài đặt lên thống trị chúng tôi,
vì tội lỗi chúng tôi.
Các vua đó hống hách thống trị chúng tôi
và gia súc chúng tôi,
cho nên chúng tôi gặp khốn đốn.

Giao ước của dân chúng

38 Vì những lý do đó, nay chúng tôi lập một giao
ước viết ra chữ.
Các vị lãnh đạo, các người Lê-vi, và các thầy tế
lễ đóng ấn họ vào đó.”

10

1 Sau đây là những người đã đóng ấn vào giao
ước: Nê-hê-mi, quan tổng trấn, con của Ha-ca-
lia,
2 Xê-đê-kia, Sê-rai-gia, A-xa-ria, Giê-rê-mi,
3 Bát-sua, A-ma-ria, Manh-ki-gia,
4 Hát-túc, Sê-ba-nia, Ma-lúc,
5 Ha-rim, Mê-rê-mốt, Áp-đia,
6 Đa-niên, Ghi-nê-thôn, Ba-rúc,
7 Mê-su-lam, A-bi-gia, Mi-gia-min,
8 Ma-a-xia, Binh-gai, và Sê-mai-gia. Những
người đó là thầy tế lễ.
9 Sau đây là những người Lê-vi đóng ấn trên
giao ước: Giê-sua con của A-xa-nia, Binh-nui,
một trong các con của Hê-na-đát, Cát-miên,

10 cùng những bạn Lê-vi khác: Sê-ba-nia, Hô-đia, Kê-li-ta, Bê-lai-gia, Ha-nan,
11 Mai-ca, Rê-hốp, Ha-sa-bia,
12 Xác-cua, Sê-rê-bia, Sê-ba-nia,
13 Hô-đia, Ba-ni, và Bê-ni-nu.
14 Sau đây là những người lãnh đạo của dân chúng đóng ấn vào giao ước: Ba-rốt, Ba-hát Mô-áp, Ê-lam, Giát-tu, Ba-ni,
15 Bu-ni, A-gát, Bê-bai,
16 A-đô-ni-gia, Bích-vai, A-đinh,
17 A-tơ, Hê-sê-kia, A-xua,
18 Hô-đia, Ha-sum, Bê-dai,
19 Ha-ríp, A-na-thốt, Nê-bai,
20 Mác-bi-át, Mê-su-lam, Hê-xia,
21 Mê-sê-xa-bên, Xa-đốc, Gia-đua,
22 Bê-la-tia, Ha-nan, A-nai-gia,
23 Ô-sê, Ha-na-nia, Hát-súp,
24 Ha-lô-hết, Binh-ha, Sô-béc,
25 Rê-hum, Ha-sáp-na, Ma-a-sê-gia,
26 A-hia, Ha-nan, A-nan,
27 Ma-lúc, Ha-rim, và Ba-a-na.
28 Những người còn lại trong dân chúng tuyên thệ. Đó là các thầy tế lễ, người Lê-vi, người gác cửa, ca sĩ, đầy tớ phục vụ trong đền thờ, cùng những người đã phân ly khỏi các người ngoại quốc để giữ lời Giáo Huấn của Thượng Đế, cùng vợ và con trai con gái là những người có thể hiểu được.
29 Họ nhập với các đồng bào Ít-ra-en khác cùng các người lãnh đạo tham dự cuộc tuyên thệ. Lời tuyên thệ có một lời nguyền rủa kèm theo nếu họ vi phạm lời thề. Họ hứa tuân theo lời

Giáo Huấn của Thượng Đế đã được truyền qua
Mô-se, tôi tớ của Ngài, và vâng theo những huấn
lệnh, qui tắc, và luật lệ của CHÚA là Thượng Đế
chúng tôi.
30 Họ tuyên bố:
"Chúng tôi hứa sẽ không để con gái chúng tôi
kết hôn với người ngoại quốc, hay để con trai
chúng tôi lấy con gái họ.
31 Những người ngoại quốc có thể mang hàng
hóa và ngũ cốc bán trong ngày Sa-bát, nhưng
chúng tôi sẽ không mua bán trong ngày đó hay
bất cứ ngày lễ nào. Mỗi bảy năm* chúng tôi sẽ
không trồng trọt gì và tha nợ cho những ai thiếu
chúng tôi.
32 Chúng tôi sẽ tôn trọng huấn lệnh về việc
đóng góp vào đền thờ của Thượng Đế chúng tôi.
Mỗi năm chúng tôi sẽ dâng một phần tám lượng†
bạc.
33 Tiền dâng đó để dành mua bánh trần thiết
trên bàn; các của lễ chay và của lễ thiêu thường
xuyên; các của lễ ngày Sa-bát, lễ Trăng Mới,
và các lễ đặc biệt; các của lễ thánh; các của lễ
chuộc tội cho dân Ít-ra-en; và cho công tác của
đền thờ.
34 Chúng tôi, thầy tế lễ, người Lê-vi, và toàn
thể dân chúng, đã bắt thăm để biết gia đình nào
trong năm phải cung cấp củi cho đền thờ. Củi

---

* **10:31:** ***Mỗi bảy năm*** Hay "năm thứ bảy." Xem Xuất 23:10, 11. † **10:32:** ***một phần tám lượng*** Đây có thể là đồng tiền lưu hành lúc bấy giờ tương đương với 11,50 gờ-ram.

để dùng trên bàn thờ của CHÚA là Thượng Đế
chúng tôi. Chúng tôi sẽ thực hiện theo những
luật lệ đã ghi.

35 Mỗi năm chúng tôi cũng sẽ dâng cho đền
thờ hoa quả đầu mùa và hoa quả đầu tiên của
mỗi cây.

36 Chúng tôi cũng sẽ dâng cho đền thờ con
trai đầu lòng, súc vật đầu lòng của gia súc, theo
như lời Giáo Huấn ghi. Chúng tôi cũng sẽ mang
chúng đến cho các thầy tế lễ phục vụ trong đền
thờ.

37 Chúng tôi sẽ mang cho các thầy tế lễ giữ kho
đền thờ ngũ cốc đầu tiên xay sẵn, của lễ, hoa quả
của tất cả các cây chúng tôi cùng rượu mới và
dầu. Chúng tôi cũng sẽ dâng một phần mười
hoa quả chúng tôi cho người Lê-vi. Họ sẽ thu
phần đó trong mọi thị trấn chúng tôi làm việc.
38 Một thầy tế lễ trong gia đình A-rôn phải có
mặt với người Lê-vi khi họ nhận phần mười mùa
màng từ dân chúng. Người Lê-vi phải đem một
phần mười những của họ nhận vào đền thờ của
Thượng Đế chúng tôi để chứa vào kho ngân khố.
39 Dân Ít-ra-en và người Lê-vi phải mang vào
kho chứa những lễ vật ngũ cốc, rượu mới và
dầu. Kho đó chứa các vật dụng trong đền thờ
và cũng là nơi các thầy tế lễ đang hành chức,
những người gác cửa và các ca sĩ ở.

Chúng tôi sẽ không bỏ bê đền thờ của Thượng
Đế chúng tôi.”

11

Những dân cư mới ở Giê-ru-sa-lem

1 Các nhà lãnh đạo của Ít-ra-en sống trong Giê-
ru-sa-lem nhưng dân chúng bắt thăm để mỗi
mười người thì một người được vào ở trong Giê-
ru-sa-lem là thành phố thánh. Chín người kia ở
trong thị trấn mình.
2 Dân chúng chúc phước cho những người tình
nguyện vào ở Giê-ru-sa-lem.
3 Sau đây là những nhà lãnh đạo khu vực vào
ở Giê-ru-sa-lem. Một số đã cư ngụ trên đất mình
trong các thành thuộc xứ Giu-đa. Trong số đó có
các người Ít-ra-en, các thầy tế lễ, người Lê-vi,
những đày tớ phục vụ đền thờ, và con cháu của
các đầy tớ Sô-lô-môn.
4 Những người khác thuộc các gia đình Giu-đa
và Bên-gia-min đã sống ở Giê-ru-sa-lem.

Sau đây là các con cháu Giu-đa vào ở Giê-ru-
sa-lem. Có A-thai-gia, con U-xia. U-xia là con
Xa-cha-ri, con A-ma-ria. A-ma-ria là con Sê-pha-
tia, con Ma-ha-la-lên. Ma-ha-la-lên là con cháu
của Phê-rê.
5 Cũng có Ma-sê-gia, con Ba-rúc. Ba-rúc là con
Côn-Hô-xê, con Ha-xai-gia. Ha-xai-gia là con A-
đai-gia, con Giô-gia-ríp. Giô-gia-ríp là con Xa-
cha-ri, con cháu Sê-la.
6 Tổng số con cháu Phê-rê sống ở Giê-ru-sa-
lem là 468 người. Tất cả đều là chiến sĩ.
7 Sau đây là con cháu Bên-gia-min dọn vào
ở Giê-ru-sa-lem. Có Xa-lu, con của Mê-su-lam.
Mê-su-lam là con Giô-ếch, con của Bê-đai-gia.

Bê-đai-gia là con của Cô-lai-gia, con của Ma-a-sê-gia. Ma-a-sê-gia là con của Y-thiên, con của Giê-sai-gia.
8 Kế sau người có Gáp-bai và Xa-lai, tổng cộng 928 người.
9 Giô-ên, con của Xích-ri được chỉ định cai quản họ, còn Giu-đa con Hát-sê-nua được chỉ định phụ tá coi sóc vùng mới trong thành.
10 Sau đây là những thầy tế lễ dọn vào cư ngụ trong Giê-ru-sa-lem. Giê-đai-gia, con Giô-a-ríp, Gia-kin,
11 và Xê-rai-gia, con Hinh-kia, người quản thủ đền thờ. Hinh-kia là con Mê-su-lam, con Xa-đốc. Xa-đốc là con Mê-rai-ốt, con A-hi-túp.
12 Cũng có những người khác với họ là những người làm việc trong đền thờ. Tổng cộng 822 người. Có A-đai-gia, con Giê-rô-ham. Giê-rô-ham là con Bê-la-lia, con Am-xi. Am-xi là con Xa-cha-ri, con Bát-sua. Bát-sua là con Manh-ki-gia.
13 Cũng có các chủ gia đình cùng với ông. Tổng cộng 242 người. Ngoài ra còn có A-mát-sai, con A-xa-rên. A-xa-rên là con A-xai, con Mê-si-lê-mốt. Mê-si-lê-mốt là con Im-mê.
14 Cũng có những dũng sĩ cùng với A-ma-sai. Cộng tất cả 128 người. Xáp-đi-ên con của Ha-ghê-đô-lim được cử giám thị họ.
15 Sau đây là những người Lê-vi dọn vào Giê-ru-sa-lem. Có Sê-mai-gia con Hát-súp. Hát-súp là con A-ri-cam, con của Ha-sa-bia. Ha-sa-bia là con của Bu-ni.
16 Rồi có Sa-bê-thai và Giô-xa-bát, hai lãnh tụ người Lê-vi chịu trách nhiệm coi sóc bên ngoài

đền thờ.
17 Có Mát-tha-nia, con của Mai-ca. Mai-ca là
con Xáp-đi, con của A-sáp. Ma-tha-nia là người
hướng dẫn việc tạ ơn và cầu nguyện. Có Bác-bu-
kia, người đứng hàng nhì chịu trách nhiệm giám
thị người Lê-vi. Sau đó có Áp-đa, con Sam-mua.
Sam-mua là con Ga-lanh, con Giê-đu-thun.
18 Tổng cộng 284 người Lê-vi cư ngụ trong
thành thánh Giê-ru-sa-lem.
19 Các người gác cửa dọn vào Giê-ru-sa-lem là
Ác-cúp, Thanh-môn, và những người khác cùng
với họ. Tổng cộng 172 người gác cổng thành.
20 Còn những người Ít-ra-en, các thầy tế lễ, và
người Lê-vi khác cư ngụ trên đất của họ rải rác
trong các thị trấn xứ Giu-đa.
21 Những đầy tớ phục vụ trong đền thờ cư ngụ
trên đồi Ô-phên, có Xi-ha và Ghít-ba giám thị họ.
22 U-xi, con Ba-ni được cử làm giám thị các
người Lê-vi ở Giê-ru-sa-lem. Ba-ni là con Ha-sa-
bia, con Mát-tha-nia. Mát-tha-nia là con Mai-ca.
U-xi là một trong các con cháu A-sáp là những
ca sĩ lo cho các buổi lễ trong đền thờ.
23 Các ca sĩ được đặt dưới lệnh của vua, lệnh
nầy định việc cho họ từng ngày.
24 Bê-tha-nia, con Mê-sê-xa-bên là phát ngôn
viên của vua. Mê-sê-xa-bên là một trong những
con cháu của Xê-ra, con Giu-đa.
25 Một số người trong xứ Giu-đa sống trong các
làng có ruộng nương bao bọc. Họ sống trong Ki-
ri-át Ạc-ba và vùng phụ cận, Đi-bôn và vùng phụ
cận, Giê-cáp-xi-ên và vùng phụ cận,
26 ở Giê-sua, Mô-la-đa, Bết-Bê-lết,

27 Ha-xa Su-anh, Bê-e-sê-ba và vùng phụ cận,
28 ở Xiếc-lác và Mê-cô-na và vùng phụ cận,
29 ở Ên-Rim-môn, Xô-ra, Giạt-mút,
30 Xa-noa, A-đu-lam và các làng mạc, ở La-kích
và các đồng ruộng quanh đó, ở A-xê-ka và vùng
phụ cận. Như thế họ định cư từ Bê-e-sê-ba chạy
đến Thung lũng Hin-nôm.
31 Các con cháu của Bên-gia-min từ Ghê-ba
sống ở Mích-mát, Ai-gia, Bê-tên và vùng phụ
cận,
32 ở A-na-tốt, Nóp, A-na-nia,
33 Hát-xo, Ra-ma, Ghít-ta-im,
34 Ha-đích, Xê-bô-im, Nê-ba-lát,
35 Lót, Ô-nô, và trong Thung lũng của các Thợ
thủ công.
36 Một vài nhóm người Lê-vi thuộc xứ Giu-đa
định cư trong đất của chi tộc Bên-gia-min.

12

Các thầy tế lễ và người Lê-vi

1 Sau đây là các thầy tế lễ và người Lê-vi hồi
hương chung với Xê-ru-ba-bên, con Sê-anh-tiên
và với Giê-sua. Có Sê-rai-gia, Giê-rê-mi, E-xơ-ra,
2 A-ma-ria, Ma-lúc, Hát-túc,
3 Sê-ca-nia, Rê-hum, Mê-rê-mốt,
4 Y-đô, Ghi-nê-hôn, A-bi-gia,
5 Mi-gia-min, Mô-a-đia, Binh-ga,
6 Sê-mai-gia, Giô-a-ríp, Giê-đai-gia,
7 Sa-lu, A-mốc, Hinh-kia, và Giê-đai-gia. Đó là
những lãnh tụ của các thầy tế lễ và thân nhân
họ trong thời Giê-sua.

8 Các người Lê-vi gồm có Giê-sua, Bin-nui, Cát-miên, Sê-rê-bai-gia, Giu-đa, và Ma-tha-nia. Ma-tha-nia và các thân nhân ông chịu trách nhiệm ca nhạc tạ ơn.
9 Bác-bu-kia và U-ni và thân nhân đứng đối diện nhau trong các buổi lễ.
10 Giê-sua sinh Giô-gia-kim. Giô-gia-kim sinh Ê-li-a-síp. Ê-li-a-síp sinh Giô-gia-đa.
11 Giô-gia-đa sinh Giô-na-than, Giô-na-than sinh Giát-đua.
12 Trong thời Giô-gia-kim các thầy tế lễ sau đây làm trưởng gia đình của các thầy tế lễ: Mê-rai-gia thuộc gia đình Sê-rai-gia; Ha-na-nia, thuộc gia đình Giê-rê-mi;
13 Mê-su-lam, thuộc gia đình E-xơ-ra; Giê-hô-ha-nan thuộc gia đình A-ma-ria;
14 Giô-na-than thuộc gia đình Ma-lúc; Giô-xép thuộc gia đình Sê-ca-nia.
15 Ách-na thuộc gia đình Ha-rim; Hên-cai thuộc gia đình Mê-rê-mốt;
16 Xa-cha-ri thuộc gia đình Y-đô; Mê-su-lam thuộc gia đình Ghin-nê-thôn;
17 Xích-ri thuộc gia đình A-bi-gia; Binh-tai thuộc gia đình Mi-nia-min và gia đình Mô-a-đia;
18 Sam-mua thuộc gia đình Binh-ga, Giê-hô-na-than thuộc gia đình Sê-mai-gia;
19 Mát-tê-nai thuộc gia đình Giô-ia-ríp; U-xi thuộc gia đình Giê-đai-gia;
20 Ca-lai thuộc gia đình Xa-lu; Ê-be thuộc gia đình A-mốc;
21 Ha-sa-bia thuộc gia đình Hinh-kia; và Nê-tha-nên thuộc gia đình Giê-đai-gia.

22 Các trưởng gia đình người Lê-vi và các thầy
tế lễ được ghi chép trong thời Ê-li-a-síp, Giô-gia-
đa, Giô-ha-nan, và Gia-đua, khi Đa-ri-út người
Ba-tư làm vua.
23 Các trưởng gia đình giữa vòng người Lê-vi
được ghi trong sách sử ký, nhưng chỉ ghi đến
đời Giô-ha-nan, con của Ê-li-a-síp mà thôi.
24 Các lãnh tụ người Lê-vi là Ha-sa-bia, Sê-rê-
bia, Giê-sua con Cát-miên và các thân nhân họ.
Các thân nhân họ đứng đối diện họ và ca hát cảm
tạ Thượng Đế. Hai nhóm đối đáp nhau theo như
Đa-vít, người của Thượng Đế đã qui định.
25 Sau đây là những người gác cửa giữ kho vật
liệu kế cận các cổng: Mát-ta-nia, Bác-bu-kia,
Áp-đia, Mê-su-lam, Thanh-môn, và Ác-cúp.
26 Họ phục vụ trong thời Giô-gia-kim con Giê-
sua, con Giô-xa-đác. Họ cũng phục vụ trong thời
Nê-hê-mi làm quan tổng trấn và Ê-xơ-ra, thầy tế
lễ và chuyên gia luật.

Lễ khánh thành vách thành Giê-ru-sa-lem

27 Khi vách thành Giê-ru-sa-lem được dâng lên
cho Thượng Đế thì người ta yêu cầu người Lê-vi
cư ngụ bất cứ đâu tề tựu về Giê-ru-sa-lem để
hoan hỉ kỷ niệm lễ cung hiến vách thành. Họ kỷ
niệm bằng các bài ca cảm tạ, dùng các nhạc cụ
như chập chỏa, đờn cầm, và đờn sắt.
28 Người ta cũng mang các ca sĩ từ khắp nơi
quanh Giê-ru-sa-lem về, từ các làng Nê-tô-pha-
thít,

29 từ Bết Ghinh-ganh, và từ các vùng Ghê-ba
và Ạc-ma-vết. Các ca sĩ đã xây dựng làng mạc
riêng cho họ quanh Giê-ru-sa-lem.
30 Các thầy tế lễ và người Lê-vi tắm rửa sạch
sẽ, họ cũng chuẩn bị cho dân chúng, cổng thành,
và vách thành Giê-ru-sa-lem tinh sạch.
31 Tôi bảo các lãnh tụ của Giu-đa lên trên đỉnh
vách, rồi tôi chỉ định hai ban hợp ca lớn hát tạ
ơn. Một ban lên đứng trên đỉnh vách hướng về
phía Cổng Rác.
32 Đi sau họ có Hô-sai-gia và phân nửa các lãnh
tụ Giu-đa.
33 Cũng có A-xa-ria, E-xơ-ra, Mê-su-lam,
34 Giu-đa, Bên-gia-min, Sê-mai-gia, và Giê-rê-
mi cùng đi.
35 Một số các thầy tế lễ thổi kèn cùng đi với
Xa-cha-ri, con Giô-na-than. (Giô-na-than là con
Sê-mai-gia, con Ma-tha-nia. Ma-tha-nia là con
Mi-cai-gia, con Xa-cua. Xa-cua là con A-sáp.)
36 Các thân nhân Xa-cha-ri cũng đi chung.
Những người đó là Sê-mai-gia, A-xa-rên, Mi-la-
lai, Ghi-la-lai, Ma-ai, Nê-tha-nên, Giu-đa, và Ha-
na-ni. Họ chơi các nhạc khí của Đa-vít, người
của Thượng Đế, có giáo sư E-xơ-ra đi trước họ.
37 Họ đi từ Cổng Suối Nước thẳng các bực thềm
lên điểm cao nhất của vách qua khu vực cũ của
thành Đa-vít. Rồi họ đi phía trên nhà Đa-vít cho
đến Cổng Nước về hướng đông.
38 Ban hát thứ nhì đi về phía trái trong khi tôi
đi theo họ lên đỉnh vách thành với phân nửa số
dân chúng. Chúng tôi đi từ Tháp Lò cho đến
Vách Rộng,

39 qua Cổng Ép-ra-im cho đến Cổng Xưa và
Cổng Cá, về phía Tháp Ha-na-nên và Tháp Một
Trăm. Chúng tôi đi đến Cổng Chiên và dừng lại
tại Cổng Gác.

40 Rồi hai ban hát bước vào chỗ trong đền thờ.
Phân nửa các lãnh tụ và tôi cũng vậy.
41 Những thầy tế lễ sau đây cầm kèn: Ê-li-a-
kim, Ma-a-sê-gia, Mi-ni-a-min, Mi-cai-gia, Ê-li-ô-
ê-nai, Xa-cha-ri, và Ha-na-nia.
42 Những người sau đây cũng có mặt tại đó:
Ma-a-sê-gia, Sê-mai-gia, Ê-lê-a-sa, U-xi, Giê-hô-
ha-nan, Manh-ki-gia, Ê-lam, và Ê-xe.

Ban hợp ca hát lên dưới sự hướng dẫn của Giê-
ra-hia.
43 Dân chúng dâng rất nhiều của lễ hôm đó.
Mọi người đều hân hoan vì Thượng Đế ban cho
họ niềm vui lớn. Đàn bà trẻ con cũng hớn hở.
Tiếng reo vui ở Giê-ru-sa-lem vang ra rất xa.

44 Lúc đó các lãnh tụ đề cử người lo cho kho
chứa. Các kho nầy dùng chứa các lễ vật, cây
trái đầu mùa, và mười phần trăm phẩm vật dân
chúng mang đến. Sách Giáo Huấn dạy rằng họ
phải mang phần của các thầy tế lễ và người Lê-vi
từ đồng ruộng quanh các thị trấn. Dân Giu-đa
rất vui làm việc đó cho các thầy tế lễ và người
Lê-vi là những người phục vụ.
45 Họ thi hành nhiệm vụ Thượng Đế giao cho
để biến mọi vật thánh sạch. Các ca sĩ và người
gác cổng cũng làm phận sự họ theo như Đa-vít
đã truyền dặn con mình là Sô-lô-môn.

46 Trước đó trong thời Đa-vít và A-sáp, có
trưởng ban nhạc chịu trách nhiệm các ca sĩ và
các bài hát chúc tụng và tạ ơn Thượng Đế.
47 Trong thời Xê-ru-ba-bên và Nê-hê-mi cũng
vậy. Toàn thể dân Ít-ra-en biếu các ca sĩ và
các người gác cổng những tặng vật đồng thời
dành phần riêng cho người Lê-vi. Rồi người Lê-
vi dành phần riêng cho con cháu A-rôn.

13

Các người ngoại quốc bị trục xuất

1 Trong ngày đó họ đọc Sách Mô-se cho dân
chúng nghe. Người ta thấy trong đó có ghi rằng
đời đời không một người Am-môn hay Mô-áp
nào được phép gia nhập vào cộng đồng của
Thượng Đế.
2 Vì người Am-môn và Mô-áp không đem thức
ăn và nước uống chào đón dân Ít-ra-en. Ngược
lại, họ thuê Ba-la-am nguyền rủa dân Ít-ra-en.
(Nhưng Thượng Đế chúng tôi đã biến lời nguyền
rủa ra phúc lành.)
3 Khi dân chúng nghe điều dạy bảo nầy thì họ
phân rẽ những người ngoại quốc ra khỏi Ít-ra-
en.

Nê-hê-mi trở lại Giê-ru-sa-lem

4 Trước đó, thầy tế lễ Ê-li-a-síp, người quản lý
kho chứa rất thân thiện với Tô-bia.
5 Ê-li-a-síp cho phép Tô-bia sử dụng một trong
các kho lớn. Trước kia kho đó dùng chứa của
lễ chay, trầm hương, dụng cụ, một phần mười

của lễ chay, rượu mới, và dầu ô liu của người
Lê-vi, các ca sĩ, và những người gác cổng. Kho
đó cũng được dùng để chứa các tặng phẩm của
các thầy tế lễ.
6 Trong khi chuyện đó xảy ra thì tôi không có
mặt tại Giê-ru-sa-lem. Tôi trở về gặp vua Ba-by-
lôn vào năm thứ ba mươi hai* triều vua ấy. Sau
cùng tôi xin phép vua cho tôi ra đi.
7 Khi trở lại Giê-ru-sa-lem, tôi hay biết chuyện
quấy Ê-li-a-síp làm tức là cho phép Tô-bia sử
dụng một phòng trong sân đền thờ.
8 Tôi rất bực mình về chuyện đó nên quăng đồ
đạc của Tô-bia ra khỏi phòng.
9 Tôi ra lệnh dọn sạch phòng đó rồi mang các
dụng cụ dành cho đền thờ Thượng Đế, của lễ
chay, và trầm hương vào.
10 Rồi tôi cũng khám phá rằng dân chúng
không cấp cho người Lê-vi phần của họ. Cho nên
một số người Lê-vi và các ca sĩ phục vụ trong đền
thờ bỏ về với ruộng nương mình.
11 Tôi khiển trách các viên chức. Tôi hỏi, “Tại
sao các anh không lo cho đền thờ?” Tôi liền triệu
tập người Lê-vi và các ca sĩ lại, đặt họ vào các
vai trò cũ.
12 Sau đó tất cả dân chúng trong Giu-đa mang
vào kho một phần mười các mùa màng, rượu
mới, và dầu ô liu của họ.
13 Tôi đặt những người sau đây lo cho kho
chứa: Sê-lê-mai-gia, thầy tế lễ, Xa-đốc, chuyên

* **13:6:** ***năm thứ ba mươi hai*** Tức khoảng năm 432 trước Công nguyên.

gia luật, và Bê-đai-gia, người Lê-vi. Tôi chỉ định
Ha-nan, con Xa-cua, con Ma-ta-nia, phụ giúp họ.
Ai cũng biết những người nầy rất thanh liêm.
Họ phân phát phần dành cho các thân nhân họ.

14 Thượng Đế ơi, xin nhớ đến tôi về điều nầy.
Đừng quên lòng yêu mến của tôi cho đền thờ
Ngài và các dịch vụ cho đền thờ.

15 Trong lúc đó tôi thấy mấy người Giu-đa làm
việc nơi bàn ép rượu trong ngày Sa-bát. Họ
mang lúa thóc và chất lên lưng lừa. Họ cũng
mang rượu, nho, trái vả vào thành Giê-ru-sa-lem
trong ngày Sa-bát. Tôi liền cảnh cáo họ về việc
buôn bán thực phẩm trong ngày đó.
16 Dân cư từ thành Tia đang cư ngụ tại Giê-ru-
sa-lem cũng mang cá và những hàng hóa khác
buôn bán với người Giu-đa trong ngày Sa-bát.
17 Tôi khiển trách những người có uy tín trong
Giu-đa. Tôi hỏi, “Chuyện ác mấy anh đang làm
đây nghĩa là gì? Mấy anh xem ngày Sa-bát cũng
như các ngày khác.
18 Đó chính là điều tổ tiên các anh đã làm cho
nên Thượng Đế trừng phạt chúng ta và thành
phố nầy. Bây giờ mấy anh lại khiến Ngài nổi
giận với dân Ít-ra-en thêm bằng cách làm nhơ
nhớp ngày Sa-bát.”

19 Tôi liền ra lệnh đóng các cửa thành từ buổi
chiều trước ngày Sa-bát và chỉ mở sau ngày Sa-
bát mà thôi. Tôi đặt các đầy tớ tôi canh các cổng
để không ai mang hàng hóa vào thành trong
ngày Sa-bát.

20 Một vài lần các con buôn hàng hóa phải ngủ
đêm ngoài thành Giê-ru-sa-lem.
21 Tôi liền cảnh cáo chúng, “Sao mấy anh ngủ
đêm bên vách thành? Nếu mấy anh còn làm
nữa tôi sẽ tống cổ mấy anh đi đó.” Từ đó về sau
chúng không còn trở lại trong ngày Sa-bát nữa.
22 Rồi tôi ra lệnh cho người Lê-vi dọn mình cho
sạch và canh gác cổng thành để giữ cho ngày Sa-
bát được thánh.
Lạy Thượng Đế, xin nhớ đến tôi về điều nầy.
Xin hãy tỏ lòng nhân ái đối với tôi vì tình yêu
lớn lao của Ngài.
23 Trong thời gian đó tôi thấy mấy người Giu-
đa lấy các phụ nữ Ách-đốt, Am-môn, và Mô-áp
làm vợ.
24 Phân nửa con cái họ nói tiếng Ách-đốt hay
vùng nào đó, chúng không biết nói tiếng Giu-đa.
25 Tôi trách móc, sỉ vả họ, đánh đập mấy
người, giật tóc họ. Tôi bắt họ phải hứa với
Thượng Đế rằng, “Không được gả con gái cho
người ngoại quốc, cũng không cưới con gái
người ngoại quốc cho con trai mình.
26 Chính các phụ nữ ngoại quốc đã khiến vua
Sô-lô-môn của Ít-ra-en phạm tội. Trong các dân
không có vua nào như người. Thượng Đế yêu
mến Sô-lô-môn và đặt người làm vua trên cả Ít-
ra-en nhưng các phụ nữ ngoại quốc xúi người
phạm tội.
27 Mà bây giờ các anh bất tuân bằng cách làm
điều ác nầy. Cưới vợ ngoại quốc là bất trung với
Thượng Đế.”

28 Giô-gia-đa con Ê-li-a-síp là thầy tế lễ cả. Một
trong các con trai Giô-gia-đa lấy con gái San-ba-
lát, người Hô-rôn, làm vợ cho nên tôi đuổi nó đi
khỏi mặt tôi.
29 Thượng Đế ơi, xin nhớ đến chúng nó là kẻ
làm dơ bẩn chức tế lễ cùng khiến cho giao ước
của thầy tế lễ và người Lê-vi ô dơ.
30 Cho nên tôi dọn sạch khỏi họ những gì có
tính cách ngoại quốc. Tôi chỉ định nhiệm vụ
cho thầy tế lễ và người Lê-vi, giao việc cho từng
người.
31 Tôi cũng sắp xếp để người ta mang củi vào
bàn thờ đều đặn và hoa quả đầu mùa cũng được
mang vào đúng hạn.
Thượng Đế ơi, xin nhớ đến tôi; tỏ lòng nhân
từ Ngài cùng tôi.

Thánh Kinh Bản Phổ thông
Easy Reading Verson of the Holy Bible in Vietnamese
Verson de lecture facile de la Sainte Bible en vietnamien

copyright © 2002, 2011 World Bible Translation Center

Language: Việt (Vietnamese)

Translation by: World Bible Translation Center

Thánh Kinh: Bản Phổ thông™ Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới giữ bản quyền © 2011 Giữ bản quyền Phép trích dùng Văn kiện mang tác quyền nầy có thể được trích dùng đến 1.000 câu mà không cần xin phép. Tuy nhiên phần trích không được gồm nguyên một sách hay quá 50% của phần văn kiện được trích. Khi trích dùng xin nhớ ghi câu sau đây nơi tựa hay trang dành cho tác quyền: Thánh Kinh: Bản Phổ thông™ Do Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới giữ bản quyền © 2011 sử dụng do phép của Cơ Quan nói trên. Khi trích Bản Phổ thông vào các mục đích không có tính cách thương mại như chương trình trong nhà thờ, bích chương, bản phim để chiếu lên màn ảnh hay các phương tiện tương tự thì không cần phải ghi toàn thể phần ghi chú tác quyền nhưng phải ghi chữ tắt (BPT) ở cuối mỗi câu trích. Nếu các câu trích hay các trang in lại nhiều hơn 1.000 câu hay hơn 50% của sách được trích, hoặc nếu cần xin phép khác phải liên lạc với Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới để được chấp thuận bằng văn thư chính thức của Cơ Quan. Địa chỉ Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới P.O. Box 820648, Fort Worth, Texas 76182 Điện thư: bibles@wbtc.org Mạng lưới: www.wbtc.org Truy cập miễn phí Truy cập miễn phí các bản Thánh Kinh và Tân Ước của Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế giới qua: www.wbtc.org

2013-10-29

PDF generated using Haiola and XeLaTeX on 18 Apr 2025 from source files dated 31 Aug 2023
b183ddf1-d374-57ee-a27b-1546141bc5ab